

129/138

160.95.30

Thành phần/ Composition:

Mỗi viên nang mềm chứa/ Each softgel contains:

Lysin hydrochlorid 30 mg

Calci glycerophosphat 20 mg

Và Acid glycerophosphoric 20 mg

(Tương ứng với Calci 3,81mg; Phospho 6,55mg)

Vitamin B1 2 mg

Vitamin B2 2 mg

Vitamin B6 2 mg

Vitamin E 10 IU

Vitamin PP 8 mg

Tất cả được với/ Excipients q.s.f 1 viên/ 1 softgel

Hộp 2 vỉ x 15 viên nang mềm



Visoftgel

MULTI VITAMIN & KHOÁNG CHẤT
MULTI VITAMIN & MINERAL



BỘ Y TẾ
CỤC QUẢN LÝ DƯỢC
ĐÃ PHÊ DUYỆT

Lần đầu: 18/01/2013

Chỉ định, Chống chỉ định, Cách dùng - Liều dùng/
Indications, Contraindications, Dosage - Administration:
Xin xem tờ hướng dẫn sử dụng thuốc bên trong hộp/ See the package insert inside.

Để xa tầm tay trẻ em. Đọc kỹ hướng dẫn sử dụng trước khi dùng/ Keep out of reach of children. Carefully read the accompanying instructions before use.

Bảo quản/ Storage: Nơi khô, nhiệt độ dưới 25°C/ Store in dry place, below 25°C.

Tiêu chuẩn/ Specifications: TCCS/ Manufacture's.

Sản xuất tại/ Manufactured by:
CÔNG TY CP DƯỢC PHẨM HÀ TÂY/
HATAY PHARMACEUTICAL J.S.C (HATAPHAR)
La Khê - Hà Đông - TP. Hà Nội/ La Khê - Hà Đông - Hà Nội city

Box of 2 blisters of 15 softgels



Visoftgel

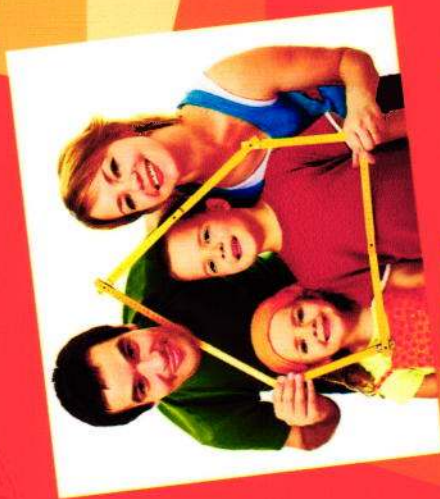
MULTI VITAMIN & KHOÁNG CHẤT
MULTI VITAMIN & MINERAL



SDK (Reg. No):
Số lô SX (Lot No):
NSX (Mfg. Date):
HD (Exp. Date):

90x150





Visoftgel

MULTI VITAMIN & KHOÁNG CHẤT
MULTI VITAMIN & MINERAL

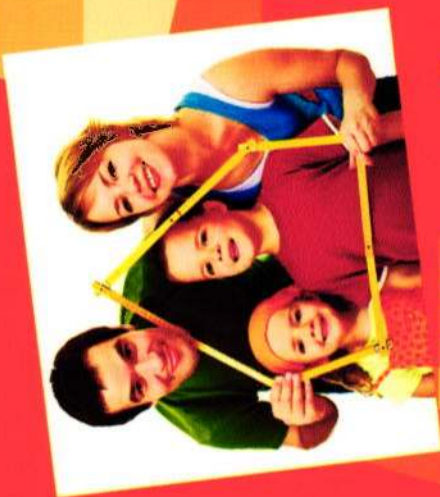
ДНТ
НАТАРНА

Sản xuất bởi/ Manufactured by:
 CÔNG TY CP DƯỢC PHẨM HÀ TÂY/
 HATAI PHARMACEUTICAL J.S.C (HATAPHAR)
 La Khê - Hà Đông - TP.Hà Nội
 La Khê - Hà Đông - Hà Nội City

SOX (Reg.No):
Sd to SX (Lot.No):
NSX (Mfg.Date):
HD (Exp.Date):

Visoftgel
MULTI VITAMIN & KHOÁNG CHẤT
MULTIVITAMIN & MINERAL

MULTI VITAMIN & KHOÁNG CHẤT
MULTI VITAMIN & MINERAL



Visoftgel

**MULTI VITAMIN & KHOÁNG CHẤT
MULTI VITAMIN & MINERAL**

DVT
HATAPHAR[illegible]



Hướng dẫn sử dụng thuốc VISOFTGEL

- **Dạng thuốc:** Viên nang mềm
- **Qui cách đóng gói:** Hộp 10 vỉ x 10 viên và Hộp 2 vỉ x 15 viên, Hộp 6 vỉ x 10 viên.
- **Công thức bào chế cho 1 đơn vị (1 viên) thành phẩm:** Mỗi viên nang mềm chứa:

Lysin hydroclorid	30mg	Vitamin B ₁ (Thiamin nitrat)	2mg
Vitamin B ₂ (Riboflavin)	2mg	Vitamin B ₆ (Pyridoxin. HCl)	2mg
Vitamin PP (Nicotinamid)	10mg	Vitamin E (α-Tocopheryl acetat)	10IU
Calci glycerophosphat	20mg	Và Acid glycerophosphoric	20mg

(Tương ứng với Calci 3,81mg; Phospho 6,55mg)

Tá dược vđ 1 viên

(Tá dược gồm: Dầu đậu nành, sáp ong trắng, dầu cọ, aerosil, lecithin, glycerin, gelatin, nipagin, nipasol, dung dịch sorbitol 70%, titan dioxyd, ethyl vanilin, phẩm màu Chocolate, ethanol 96%, nước tinh khiết).

- **Chỉ định:** Bổ sung vitamin, lysin và muối khoáng cho cơ thể. Dùng để phục hồi sức khỏe cho người mới ốm dậy, người bị bệnh mãn tính, bệnh nhân sau phẫu thuật và các trường hợp mệt mỏi, chán ăn, suy nhược cơ thể do lao động học tập, thể thao gắng sức, phụ nữ có thai hoặc đang cho con bú thiếu vitamin và khoáng chất.

- **Cách dùng và liều dùng:** Trung bình:

Người lớn và trẻ em trên 12 tuổi: Uống mỗi lần 1- 2 viên x 2lần/ngày.

- **Chống chỉ định:** Quá mẫn cảm với một trong các thành phần của thuốc.

* **Vitamin PP:** Bệnh gan nặng, loét dạ dày tiến triển, xuất huyết động mạch, hạ huyết áp nặng.

* **Calci glycerophosphat:** Tránh dùng kéo dài trên bệnh nhân suy thận, tăng calci máu. Dùng song song với Digoxin.

- **Thận trọng:**

- **Vitamin PP:** Khi sử dụng vitamin PP liều cao cho những trường hợp: Tiền sử loét dạ dày, bệnh túi mật, bệnh gút, viêm khớp do gút, bệnh đái tháo đường.

- **Vitamin B₂:** Trong thời gian dùng thuốc nước tiểu có thể có màu vàng vì có chứa Vitamin B₂, khi ngừng thuốc sẽ hết.

- **Vitamin B₆:** Dùng vitamin B₆ với liều 200mg/ngày và kéo dài có thể làm cho bệnh thần kinh ngoại vi và bệnh thần kinh cảm giác nặng, ngoài ra còn gây chứng lệ thuộc vitamin B₆.

- **Sử dụng cho phụ nữ có thai và đang cho con bú:** Thuốc dùng được cho phụ nữ có thai hoặc đang cho con bú.

- **Tác dụng không mong muốn của thuốc:**

* **Vitamin PP:** Liều nhỏ thường không gây độc, nếu dùng liều cao có thể xảy ra một số tác dụng phụ sau, các tác dụng phụ này sẽ hết sau khi dùng thuốc.

- **Thường gặp:** Tiêu hoá (buồn nôn); Đỏ bừng mặt và cổ, ngứa, cảm giác rát bỏng, buốt hoặc đau nhói ở da.

- **Ít gặp:** Tiêu hoá (Loét dạ dày tiến triển, nôn, chán ăn, đau khi đói, đầy hơi, ỉa chảy); Da (Khô da, tăng sắc tố, vàng da); Chuyển hoá (Suy gan, giảm dung nạp glucose, tăng tiết tuyến, bã nhờn, làm bệnh gút nặng thêm); Tăng glucose huyết, tăng uric huyết, con phế vị - huyết quản, đau đầu và nhìn mờ, hạ huyết áp, chóng mặt, tim đập nhanh, ngứa

- **Hiếm gặp:** Lo lắng, hốt hoảng, glucose niệu, chức năng gan bất bình thường, thời gian prothrombin bất bình thường, hạ albumin huyết, choáng phản vệ.

* **Vitamin B₆:** Dùng liều 200mg/ ngày và dài ngày (trên 2 tháng) có thể gây bệnh thần kinh ngoại vi nặng, tiến triển từ đáng đi không vững và tê cứng bàn chân đến tê cứng và vụng về bàn tay. Tình trạng này có thể hồi phục khi ngừng thuốc, mặc dù vẫn để lại di chứng. Hiếm gặp: nôn, buồn nôn.

* **Ghi chú:** "Thông báo cho bác sĩ những tác dụng không mong muốn gặp phải khi sử dụng thuốc".

- Tương tác với thuốc khác, các dạng tương tác khác:

* **Vitamin E:** Vitamin E đối kháng với tác dụng của vitamin K nên làm tăng thời gian đông máu. Nồng độ vitamin E thấp ở người bị kém hấp thu do thuốc (nh kém hấp thu khi dùng cholestyramin).

* **Vitamin PP:** Sử dụng vitamin PP đồng thời với chất ức chế men khử HGM - CoA có thể làm tăng nguy cơ gây tiêu cơ vân.

- Sử dụng vitamin PP đồng thời với các thuốc chẹn α -adrenergic trị tăng huyết áp có thể dẫn đến hạ huyết áp quá mức.

- Khẩu phần ăn và/hoặc liều lượng thuốc uống hạ đường huyết hoặc insulin có thể cần phải điều chỉnh khi sử dụng đồng thời với vitamin PP.

- Sử dụng vitamin PP đồng thời với các thuốc có độc tính với gan có thể làm tăng thêm tác hại độc cho gan.

- Không nên dùng đồng thời vitamin PP với carbamazepin vì gây tăng nồng độ carbamazepin huyết tương dẫn đến tăng độc tính.

* **Vitamin B₂:** Đã gặp một số ca "thiếu riboflavin" ở người đã dùng clopromazin, imipramin, amitriptilin và adriamycin. Rượu có thể gây cản trở hấp thu riboflavin ở ruột. Probenecid sử dụng cùng riboflavin gây giảm hấp thu riboflavin ở dạ dày, ruột.

* **Vitamin B₆:** Vitamin B₆ làm giảm tác dụng của levodopa trong điều trị bệnh Parkinson, điều này không xảy ra với chế phẩm là hỗn hợp levodopa - carbidopa hoặc levodopa - benserazid. Liều dùng 200mg/ngày có thể gây giảm 40-50% nồng độ phenytoin và phenobarbiton trong máu ở một số người bệnh. Vitamin B₆ có thể làm nhẹ bớt trầm cảm ở phụ nữ uống thuốc tránh thai. Thuốc tránh thai uống có thể làm tăng nhu cầu Vitamin B₆.

- Quá liều và xử trí:

- Vitamin E (Dùng quá 3000IU/ngày) có thể gây rối loạn tiêu hoá (Buồn nôn, nôn, đầy hơi, đi lỏng, viêm ruột hoại tử).

Khi gặp phải những dấu hiệu và triệu chứng quá liều cần phải ngừng thuốc ngay và đến cơ sở y tế gần nhất.

- **Hạn dùng:** 36 tháng kể từ ngày sản xuất. **Không được dùng thuốc đã quá hạn dùng.**

* **Lưu ý:** Khi thấy nang thuốc bị ẩm mốc, dính nang, nhãn thuốc in số lô SX, HD mờ...hay có các biểu hiện nghi ngờ khác phải đem thuốc tới hỏi lại nơi bán hoặc nơi sản xuất theo địa chỉ trong đơn.

-**Bảo quản:** Nơi khô, nhiệt độ dưới 25°C.

-**Tiêu chuẩn áp dụng:** TCCS.

ĐỂ XA TÂM TAY TRẺ EM

**"Đọc kỹ hướng dẫn sử dụng trước khi dùng
Nếu cần thêm thông tin xin hỏi ý kiến bác sĩ"**

THUỐC SẢN XUẤT TẠI: CÔNG TY C.P DƯỢC PHẨM HÀ TÂY

La Khê - Hà Đông- TP. Hà Nội

ĐT: 04.33522203-33516101. FAX: 04.33522203

CÔNG TY C.P DƯỢC PHẨM HÀ TÂY

Tổng Giám đốc



PHÓ CỤC TRƯỞNG
Nguyễn Văn Thanh



PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC
ĐS. Nguyễn Bá Lai

